TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 14 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **P**, sinh năm 1974;

Nơi thường trú: Đường số M, Tổ H, Phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đang sinh sống: Đường T, Tổ S, Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đ**, sinh năm 1966;

Nơi thường trú: Đường C, Tổ H, Khu phố H, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đang sinh sống: Đường T, Tổ S, Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Bà P, sinh năm 1974;

Nơi thường trú: Đường số M, Tổ H, Phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đang sinh sống: Đường T, Tổ S, Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Đ, sinh năm 1966;

Nơi thường trú: Đường C, Tổ H, Khu phố H, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đang sinh sống: Đường T, Tổ S, Khu phố H, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Đ thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/3/2012, số: 21 không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Bà P và ông Đ không có con chung.

2.3 Về tài sản chung: Bà P và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà P và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà P tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bà Phượng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0005191 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng cho bà P tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0005191 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12, Tp. HCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, Tp. HCM
- UBND Phường 4, Quận 3, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim